TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-PT
Ngày 11 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đình Hiền

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực

Ông Nguyễn Đồng Dực

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Văn Tuấn, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 04/2019/TLHS-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, do có kháng cáo của bị cáo L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2018/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; nơi sinh và đăng ký HKTT: Xóm 13, khu phố X Đ, phường L S, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị U (*tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai mẹ để là Phan Thị U, cha mẹ đều đã chết*); có vợ là Vũ Thị Ng và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện tại ngoại "có mặt".

Người bị hại không kháng cáo: Ông Nguyễn Quang Th, sinh năm 1971; trú tại: Xóm 11, thôn X Đ, phường L S, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên "vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

- Ông Bùi Tuấn A, sinh năm 1960; trú tại: Đội 3, thôn C X, phường L S, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên "vắng mặt".

- Ông Lê Văn Th1, sinh năm 1955; trú tại: Xóm 12, thôn X Đ, phường L S, thành phố H Y "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2014, ông Nguyễn Quang Th nhờ Nguyễn Văn L tìm người lấp 01 cái ao cạnh nhà, L đồng ý và tìm người lấp ao hộ ông Th. Trong quá trình san lấp ao, L đã nói với ông Th về việc mình có quen biết với một số người có khả năng làm sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - viết tắt: GCNQSDĐ) cho cái ao ông Th mới lấp. Tin tưởng Lục có khả năng nhờ làm được hộ sổ đỏ, ông Th đã nhờ L làm sổ đỏ cho cái ao của nhà mình mới lấp. Ông Th đã giao cho L một số giấy tờ liên quan gồm trích lục bản đồ 237, 299; Quyết định giao quyền quản lý ruộng đất năm 1956; các biên lai nộp thuế hàng năm đối với cái ao này. Sau khi xem các giấy tờ do ông Th cung cấp, L nói có thể làm được và nhận lời làm sổ đỏ cho đất ao nhà ông Th. L nói, chưa biết chi phí là bao nhiêu nhưng yêu cầu ông Th phải đưa trước cho L một số tiền để L đi tìm hiểu thông tin và lo thủ tục giấy tờ. Do tin tưởng L có thể làm được sổ đỏ giúp mình, ông Th đã đưa cho L 05 lần tiền với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Cụ thể: Lần thứ nhất, ngày 03/5/2014 đưa 6.000.000 đồng; lần thứ 2, ngày 20/8/2014 đưa 20.000.000 đồng; lần thứ 3 không ghi ngày nhận, đưa 6.000.000 đồng; lần thứ tư đưa 3.000.000 đồng và lần thứ 5 đưa số tiền 5.000.000 đồng (các lần nhận tiền này L đều nói với ông Th là để sử dụng làm thủ tục, giấy tờ có liên quan đến cấp GCNQSDĐ cho cái ao ông Thịnh mới lấp) và đều viết giấy nhận tiền. Sau khi nhận tiền của ông Th thì Nguyễn Văn L có đến gặp ông Bùi Tuấn A, sinh năm 1960, trú tại đội 3, thôn C X, phường L S, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên (thời điểm năm 2014 ông Bùi Tuấn A là Phó Chủ tịch UBND phường L S, thành phố H Y) để hỏi về thủ tục cấp GCNQSDĐ cho diện tích đất ao ông Th nhờ. Ông Tuấn A trả lời Lục về nguồn gốc ao này là của bố ông H1 để lại cho ông H1, hộ ông H1 đang quản lý sử dụng có tên trong bản đồ 299 và 1997 (ông H1 là bố vợ ông Th). Tuy nhiên, do diện tích đất ao này đang có tranh chấp nên chưa cấp được sổ đỏ. Nhưng L vẫn giữ số tiền 40.000.000 đồng đã nhận của ông Th và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Một thời gian sau ông Th liên hệ với L để hỏi về việc cấp GCNQSDĐ ao thì được L cho biết ao nhà ông Th có tranh chấp nên chưa làm sổ đỏ ngay được, phải có thời gian chờ thì mới làm được. Ông Th thấy vậy yêu cầu L trả lại số tiền đã nhận, L đồng ý trả lại số tiền đã nhận cho ông Th nhưng có nói là đã chi phí mất một số tiền, phần tiền còn lại sẽ trả cho ông Th nhưng thực tế L vẫn không trả lại khoản tiền cho ông Th đã đưa cho L để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho diện tích đất ao ông Th đã lấp. Do vậy, đến tháng 5/2018 ông Nguyễn Quang Th đã làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn L đến Công an thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên.

Tại cơ quan điều tra Công an thành phố H Y, Nguyễn Văn L khai: Quá trình đi hỏi thủ tục làm sổ đỏ cho ông Th, L đã chi một số tiền như: Đưa 10.000.000 đồng cho 01 một cán bộ Sở Tài nguyên - Môi trường nhưng không biết tên và không biết cán bộ đó công tác ở phòng, ban nào; đưa cho ông Bùi Tuấn A - Phó Chủ tịch UBND phường L S, thành phố H Y số tiền 5.000.000 đồng để xin thông tin tài liệu liên quan đến cái ao nhà ông Th; đưa số tiền 500.000 đồng cho ông Lê Văn Th1, sinh năm 1955, trú tại xóm 12, thôn X Đ, phường L S, thành phố H Y (ông Th1 là tổ trưởng tổ dân phố phụ trách xóm 10,

11, 12, 13 của thôn X Đ) để bồi dưỡng uống nước; đưa 2.000.000 đồng cho người tiến hành đo đạc diện tích ao nhà ông Th (L không biết tên, địa chỉ của người đo đạc, gặp ở quán nước), tất cả các khoản chi trên đều không có hóa đơn, chứng từ chứng minh đã chi và không có ai biết. Theo L, số tiền nhận của ông Th còn lại 22.500.000 đồng L đã sử dụng cho cá nhân hết. Bản thân L không biết trình tự, thủ tục làm sổ đỏ (GCNQSDĐ) như thế nào, L không có chức năng làm sổ đỏ nhưng L vẫn nhận tiền để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đất cho đất ao nhà ông Th.

Ông Bùi Tuấn A khai: Năm 2014 (không nhớ chính xác mốc thời gian cụ thể), khi đó ông Tuấn A đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND phường L S, phụ trách công tác địa chính thì có 01 lần Nguyễn Văn L đến phòng làm việc của ông Tuấn A tại trụ sở hỏi về thông tin ao do ông Lê Thanh H1 đang quản lý sử dụng. Ông Tuấn A đã trả lời L biết việc cái ao này đang có tranh chấp nên không làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đất được. Sau đó, Lra về, ông Tuấn Akhông nhận bất cứ khoản tiền nào của Lvà sau lần gặp này L không đến gặp ông Tuấn A thêm lần nào khác.

Ông Lê Văn Th1 khai: Năm 2014, ông Th1 có nhận 500.000 đồng của L đưa vào thời gian nhà ông Th đang lấp ao, khi đưa tiền Lục chỉ nói là biếu anh em (tổ dân phố) uống bia; ông Th1 không biết đây là tiền L nhận của ông Th để làm thủ tục sổ đỏ cho ao của ông Th. Ông Th đã giao nộp lại số tiền nêu trên cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 02 giấy viết tay thể hiện nội dung Nguyễn Văn L 05 lần nhận tiền của ông Nguyễn Quang Th với tổng số tiền là 40.000.000 đồng và 500.000 đồng do ông Lê Văn Th giao nộp ngày 02/11/2018.

Tại bản kết luận giám định số: 218/PC54 ngày 06/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết được đóng khung bằng mực đỏ thể hiện việc nhận tiền tại 02 mảnh giấy có kích thước (13 x 18)cm ký hiệu M1 so với chữ viết trong bản tường trình của Nguyễn Văn L viết tại cơ quan điều tra Công an thành phố H Y ngày 22/5/2018 ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn L tại 02 mảnh giấy có kích thước (13 x 18)cm ký hiệu M1 so với chữ ký trong bản tường trình của Nguyễn Văn L viết tại cơ quan điều tra Công an thành phố H Y ngày 22/5/2018 ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Khoảng cuối tháng 5/2018, Nguyễn Văn L tự trả cho ông Nguyễn Quang Th 30.000.000 đồng; ông Th đã nhận đủ số tiền này và không có yêu cầu đề nghị L bồi thường thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2018/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2018, Toà án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu số tiền 500.000 đồng ông Lê Văn Th1 giao nộp tại cơ quan điều tra và truy thu của bị cáo L để tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính là 9.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và kêu oan.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn L thay đổi yêu cầu kháng cáo từ kêu oan sang nhận tội và xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương. Bị cáo trình bày diễn biến hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Trước đây do nhận thức hạn chế, bị cáo nghĩ rằng ông Th nhờ làm sổ đỏ đất ao nên có đưa tiền để bị cáo chi phí, không làm được thì đã trả lại cho ông Th là xong chứ bị cáo không lừa đảo ông Th. Sau một thời gian suy nghĩ, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai phạm của bản thân và xác định được việc bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội, không oan, nhưng hình phạt đối với bị cáo là nặng; hiện tại điều kiện, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, hai vợ chồng đều đã nhiều tuổi, thường xuyên ốm đau, bị bệnh thoái hóa cột sống không lao động được công việc nặng. Do vậy, bị cáo tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ở nhà để có điều kiện chữa bệnh và giúp đỡ gia đình, đưa đón các cháu đi học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích, đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn nhận tội, thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án, phù hợp đơn tố cáo, lời khai của bị hại, giấy biên nhận tiền và kết luận giám định chữ ký, chữ viết của bị cáo tại các giấy nhận tiền. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn L về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp quy định của pháp luật, không oan sai. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường, thành khẩn khai báo, bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự, theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên", theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không chính xác. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ, lời khai của bị cáo, bị hại đều xác định bị cáo có 5 lần nhận tiền của ông Th với tổng số tiền là 40 triệu đồng nhưng chỉ với một mục đích duy nhất là làm sổ đỏ cho diện tích

đất ao của ông Th mới lấp chứ không đưa thông tin gian dối để ông Th tin đưa tiền cho bị cáo thực hiện cho mục đích khác. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân và vợ ốm đau bệnh tật được chính quyền địa phương xác nhận và giao nộp sổ khám bệnh của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới khác được áp dụng cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo L xuống từ 06 đến 07 tháng tù. Các phần quyết định khác giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật là hoàn toàn hợp pháp được xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Văn L thay đổi nội dung kháng cáo, nhận tội và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm. Lời khai của Nguyễn Văn L tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và các bản tường trình, lời khai, bản cung của bị cáo trước cơ quan điều có trong hồ sơ vụ án; đồng thời phù hợp đơn tố cáo và lời khai của bị hại Nguyễn Quang Th, các giấy biên nhận giao nhận tiền giữa ông Th với bị cáo L và kết luận giám định chữ viết, chữ ký tại các giấy biện nhận tiền là của bị cáo Nguyễn Văn L, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Sau khi ông Th nhờ L thuê người san lấp ao của ông H1 (bố vợ ông Th xong), Lục nói với ông Th về việc quen biết một số người có khả năng làm được sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - viết tắt: GCNQSĐ) cho diện tích đất ao mà ông Th mới san lấp. Tin tưởng L làm được sổ đỏ đất ao nên ông Th đã đưa cho L một số giấy tờ liên quan đến trích lục bản đồ, quyết định giao quyền quản lý ruộng đất năm 1956, các biên lai nộp thuế đất ao. Sau khi xem các giấy tờ ông Th đưa, L yêu cầu ông Th đưa trước cho L một số tiền để L đi tìm hiểu thông tin và lo thủ tục giấy tờ. Ông Th do tin L làm được sổ đỏ cho diện tích đất ao mới lấp, nên trong khoảng thời gian từ tháng 5/2014 đến tháng 11/2014 ông Th đã đưa cho L 5 lần nhận tổng số tiền là 40 triệu đồng để đi làm sổ đỏ cho đất ao mới lấp.

Để tạo lòng tin cho ông Th về việc L làm được sổ đỏ đất ao cho ông Th mới lấp, nên sau khi nhận tiền của ông Th L có đến trụ sở UBND phường L S gặp ông Bùi Tuấn A- Phó Chủ tịch UBND phường L S phụ trách công tác địa chính để hỏi việc cấp sổ đỏ của đất ao nhà ông Th. Ngoài ra, Lục còn khai đưa ra các thông tin về việc khi đến hỏi ông Tuấn A được ông Tuấn A nói đất ao nhà ông Th đang có tranh chấp không cấp sổ đỏ được mà L vẫn để trên bàn ông Tuấn A phong bì theo L khai số tiền 5.000.000 đồng là hoàn toàn vô lý và không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là thật. Bị cáo L cũng khai và đưa các thông tin như chi số tiền 2.000.000 đồng thuê người không quen biết gặp ở quán nước vào đo đạc đất ao của nhà ông Th nhưng không có kết quả đo đạc gì và để

ở một phòng của Sở Tài nguyên & Môi trường phong bì có số tiền 10.000.000 đồng, trong khi L không biết phòng nào? ban nào? không biết là ai nhận tiền? để tiền ở bàn để làm gì? Tất cả các vấn đề trên đều không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự thật. Các sự kiện như bị cáo L đưa ra ở trên chỉ là một thủ đoạn để thực hiện tội phạm và càng tạo lòng tin cho ông Th biết tiền đưa cho L đã được L đi liên hệ, tác động làm thủ tục xin cấp sổ đỏ cho đất ao của mình san lấp, để rồi tiếp tục đưa thêm tiền cho L vào các lần sau và L có điều kiện chiếm đoạt được số tiền của ông Th nhiều hơn.

Bị cáo Nguyễn Văn L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo là người lao động tự do, không phải là người có chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền liên quan việc giải quyết, làm thủ tục để cấp sổ đỏ (GCNQSDĐ) cho nhân dân, trong đó có việc liên quan cấp sổ đỏ cho diện tích đất ao của gia đình ông Th đã san lấp, đang có tranh chấp; nhưng với động cơ vụ lợi cá nhân bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của ông Th, đưa ra các thông tin không đúng sự thật là quen một số người có khả năng làm được sổ đỏ đất ao nhà ông Th mới san lấp, làm cho ông Th tin tưởng bị cáo làm được việc cho mình để rồi đưa tiền cho L để nhờ làm sổ đỏ đất ao. Sau khi nhận được tiền của ông Th thì L có gặp cán bộ phường để hỏi thông tin và đã được cán bộ nói rõ ao của nhà ông Th mới san lấp đang có tranh chấp không cấp sổ đỏ được, nhưng L vẫn nói với ông Th có thể làm được và tiếp tục đưa ra các thông tin không có thật như chi tiền cho cán bộ phường, cho Sở tài nguyên và môi trường, rồi thuê người không biết là ai vào đo đạc đất ao càng làm cho ông Th tin tưởng để rồi tiếp tục đưa thêm nhiều lần tiền sau đó, với tổng số tiền của 5 lần ông Th đưa cho L là 40.000.000 đồng. Mặc dù, trong suốt một thời gian dài từ năm tháng 5/2014 đến tháng 5/2018 (khoảng 04 năm) L không làm được sổ đỏ cho ông Th, ông Th đã nhiều lần đòi lại tiền nhưng L không trả, chỉ đến tháng 5/2018 khi ông Th có đơn tố cáo L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Công an thành phố H Y tiếp nhận giải quyết thì L mới thỏa thuận bồi thường cho ông Th số tiền 30.000.000 đồng. Bằng hàng loạt hành vi khách quan của bị cáo Nguyễn Văn L thực hiện đã phản ánh ý chí chủ quan của bị cáo đưa ra các thông tin không đúng sự thật để tạo cho ông Th tin là thật và đưa cho L tổng số tiền 40.000.000 đồng để bị cáo chiếm đoạt chi tiêu cho cá nhân. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L như phân tích đã có đầy đủ dấu hiệu cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực tại thời điểm bị cáo thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đều quy định mức hình phạt giống nhau. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn L về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Trước đây do bị cáo hiểu biết pháp luật không đầy đủ nên suy nghĩ giản đơn việc nhận tiền của ông Th để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ ao cho ông Th không được thì bị cáo đã trả lại cho ông Th là xong nên bị cáo cho rằng bị oan và gửi đơn đến một số cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét. Nay bị cáo đã nhận thức được sai phạm của bản

thân, rất hối hận ăn năn, xin được giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương để có điều kiện chữa bệnh, giúp đỡ gia đình bị cáo hiện tại rất khó khăn.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý bất bình trong nhân dân, tạo sự hiểu lầm của dư luận đối với công lý làm giảm lòng tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý đất đai tại địa phương.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 là không chính xác. Bởi lẽ, bị cáo L chỉ đưa thông tin gian dối với ông Th là quen biết nhiều người nên có thể làm được sổ đỏ cho diện tích ao của ông Th mới san lấp, nên ông Thtin tưởng đưa tiền cho L nhận 5 lần với tổng số tiền là 40 triệu đồng cũng chỉ phục vụ cho một mục đích duy nhất là làm sổ đỏ cho diện tích đất ao của ông Th mới san lấp chứ không có mục đích nào khác nữa. Bị cáo thực hiện tội phạm kéo dài, nên chỉ được xác định bằng một lần phạm tội chứ không thể xác định mỗi lần nhận tiền là một lần phạm tội, vì như vậy thì yếu tố thủ đoạn gian dối của bị cáo được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần để xác định bị cáo phạm tội nhiều lần là gây bất lợi cho bị cáo. Vì vậy, cấp phúc thẩm không áp dụng cho bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo L đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của bản thân; tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo L có được bỏ đi tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên, nhưng với số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại 40 triệu đồng theo định lượng tiền chiếm đoạt ở mức cao của khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự (cao nhất đến dưới 50 triệu đồng) nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 tháng tù là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo L đã tự nguyện thành khẩn nhận tội, ăn năn hối hận thật sự về hành vi phạm tội của bản thân; bị hại tiếp tục xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để giúp đỡ gia đình, đoàn kết tình làng xóm; hiện tại bị cáo tuổi cao, ốm đau bệnh tật, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, nên bị cáo L có thêm tình tiết giảm nhẹ mới khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo là công dân tốt, không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm vào tội ít nghiêm trọng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; ốm đau bệnh tật, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống hữu ích cho gia đình, xã hội và vẫn đảm bảo tính nghiêm minh, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L có căn cứ được chấp

nhận để sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và chuyển cho bị cáo được hưởng án treo, chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa có căn cứ được chấp nhận một phần về không áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lục.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, cấp sơ thẩm không áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại tự nguyện nhận của bị cáo L số tiền 30.000.000 đồng bồi thường trong tổng số tiền 40.000.000 đồng bị chiếm đoạt, không yêu cầu khoản tiền 10.000.000 đồng còn lại, nên cấp sơ thẩm chấp nhận tự nguyện của bị hại không xem xét giải quyết là phù hợp pháp luật.

Về biện pháp tư pháp: Trong số tiền chiếm đoạt được, bị cáo L có chi cho ông Lê Văn Th1 - tổ dân phố 500.000 đồng, nay ông Th1 nộp lại, cấp sơ thẩm cho sung quỹ Nhà nước là có căn cứ. Đối với số tiền 9.500.000 đồng L chiếm đoạt của ông Th, nay ông Th không yêu cầu bồi thường, xét đây là khoản tiền do bị cáo L phạm tội mà có, nên cấp sơ thẩm đã truy thu của L số tiền này để tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn L là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là đúng pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2018/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 11/7/2019.

Giao Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân phường L S, thành phố H Y, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) ông Lê Văn Th1 giao nộp tại cơ quan điều tra và truy thu của bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 9.500.000đ, (chín triệu năm trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

2. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ KTGĐ I - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- TAND thành phố H Y;
- VKSND thành phố H Y;
- Công an thành phố H Y;
- Chi cục THADS thành phố H Y;
- Bị cáo Lục;
- Bị hại Thịnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, Tòa HC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Trần Đình Hiền